SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK
TTYT HUYỆN M'DRẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Số: 11 /KH-TTYT

M'Drắk, ngày 18 tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH
Thực hiện Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em của Trung tâm Y tế huyện M'Drắk

Thực hiện Kế hoạch số 03/KH-SYT ngày 6/1/2021 của Sở Y tế tỉnh ĐắkLắk về thực hiện Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Trung tâm Y tế huyện M'Drắk xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung tâm Y tế và Nhân dân khi đến khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn huyện trong thực hiện Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (sau đây gọi tắt là Công ước ACTIP), góp phần hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả phòng, chống mua bán người có tổ chức xuyên quốc gia và các loại tội phạm có liên quan.

2. Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của các tầng lớp Nhân dân trong phòng, chống buôn bán người.

3. Việc triển khai thực hiện Công ước ACTIP phải được tiến hành nghiêm túc, thường xuyên gắn với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC TRỌNG TÂM

1. Tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước ACTIP và các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước ACTIP, quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú phù hợp với từng đối tượng, giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ dân trí, đặc điểm địa bàn.

- Nội dung tuyên truyền tập trung vào các quy định về phòng ngừa mua bán người, bảo vệ nạn nhân bị mua bán, chế tài xử lý đối với hành vi mua bán người… nhằm thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm, năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị và người dân để chủ động phòng ngừa, đấu tranh với hành vi mua bán người.

2. Đẩy mạnh công tác tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ hỗ trợ nạn nhân bị mua bán

- Phối hợp với các ngành có liên quan trên địa bàn để nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, xác minh, xác định nạn nhân bị mua bán để thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho

nạn nhân, người thân của nạn nhân và bí mật thông tin về nạn nhân theo quy định của pháp luật.

- Triển khai khẩn trương việc xác định nạn nhân, đặc biệt là tuổi của nạn nhân để bảo đảm cung cấp dịch vụ phù hợp. Trong trường hợp chưa chắc chắn về độ tuổi nhưng nếu nạn nhân có khả năng là trẻ em thì cần xem nạn nhân là trẻ em và quy trình xác định nạn nhân, phỏng vấn cần áp dụng đầy đủ các nguyên tắc, quy định của pháp luật trong nước, phù hợp với pháp luật quốc tế về quyền trẻ em, nhất là Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

- Các khoa hệ điều trị, trạm y tế nâng cao hiệu quả công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc y tế để phục hồi thể chất, tâm lý cho nạn nhân bị mua bán trở về nếu có nhu cầu.

3. Đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan trên địa bàn nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên các lĩnh vực như: Cư trú; hộ tịch; hoạt động du lịch; du học; xuất nhập khẩu lao động; cho, nhận con nuôi; kết hôn với người nước ngoài; hiến tặng mô, tạng… để phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm mua bán người.

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2021 - 2022

Ưu tiên thực hiện các hoạt động sau:

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước ACTIP và các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn đơn vị và người dân dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú phù hợp với từng đối tượng, giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ dân trí, đặc điểm địa bàn.

2. Giai đoạn 2022 - 2025

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

- Tiến hành sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban vì sự tiến bộ phụ nữ

` - Xây dựng kế hoạch tham mưu cho Ban giám đốc về việc thực hiện Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

- Phối hợp với các phòng chức năng giám sát việc thực hiện Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

- Tổ chức tập huấn về phòng, chống mua bán người; tiếp tục xây dựng, bổ sung, cập nhật tài liệu về phòng, chống mua bán người phù hợp với tình hình thực tiễn và các văn bản chính sách, pháp luật mới.

2. Các Khoa, phòng

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định, giáo dục cho cán bộ, nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh về: bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trong cơ sở y tế; phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy;

phòng, chống mua bán người; phòng, chống vi phạm pháp luật; chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả bằng nhiều hình thức như:

- Lồng ghép tuyên truyền thông qua các buổi giao ban khoa phòng, sinh hoạt thường kỳ của Chi bộ, Công đoàn, họp Hội đồng bệnh nhân;

- Tuyên truyền trực tiếp bằng hình thức nói chuyện chuyên đề cho các đối tượng hành nghề tiếp viên nhà hàng (lồng ghép với tuyên truyền về HIV/AIDS);

3. Trạm y tế xã/thị trấn

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền sâu rộng tới người dân về vấn nạn mua bán người, công tác tuyên truyền tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa để tạo chuyển biến cả trong nhận thức và hành động, giúp mỗi người dân tự bảo vệ cho bản thân và gia đình trước tội phạm mua bán người.

- Triển khai quyết liệt Chiến lược truyền thông thay đổi hành vi, nâng cao nhận thức phòng, chống mua bán người tại cộng đồng.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực mạng lưới tuyên truyền viên về kỹ năng tuyên truyền phòng, chống mua bán người.

- Lồng ghép tuyên truyền thông qua các buổi giao ban trạm, sinh hoạt thường kỳ của Chi bộ, tổ công đoàn, tổ nữ công.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em của Trung tâm Y tế huyện M'Drắk./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- BGĐ (B/c);
- Các khoa, phòng, TYT (T/h);
- Lưu VT, BVSTBPN.

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN M'DRAK

Lê Thị Thủy

CÔNG ƯỚC ASEAN VỀ PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN NGƯỜI, ĐẶC BIỆT LÀ PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

Các quốc gia thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (sau đây gọi là ASEAN) – Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Vương quốc Căm-pu-chia, Cộng hòa In-đô-nê- xi-a, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Ma-lai-xi-a, Cộng hòa Liên bang Mi-an-ma, Cộng hòa Phi-lip-pin, Cộng hòa Xinh-ga-po, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau đây gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên";

THỪA NHẬN rằng hành vi buôn bán người vi phạm các quyền con người và xâm phạm nhân phẩm của con người.

NHẮC LẠI các nguyên tắc và mục tiêu của Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền, Hiến chương Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ("Hiến chương ASEAN") và Tuyên bố nhân quyền ASEAN, Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và trong trường hợp có thể áp dụng, Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, cùng các điều ước quốc tế và các nghị quyết có liên quan của Liên hợp quốc về xóa bỏ nạn buôn bán người, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản, đối xử công bằng, pháp quyền và quyền được xét xử công bằng, nhanh chóng.

NHẤN MẠNH cam kết ghi nhận trong Hiến chương ASEAN về mục đích đối phó hữu hiệu với tất cả các mối đe dọa, các loại tội phạm xuyên quốc gia và các thách thức xuyên biên giới, phù hợp với nguyên tắc an ninh toàn diện;

KHẲNG ĐỊNH LẠI cam kết ghi nhận trong Tuyên bố ASEAN về chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2004; các hoạt động tư pháp hình sự của ASEAN đối phó với nạn buôn bán người: Chấm dứt việc miễn trừng phạt các đối tượng buôn bán người và bảo đảm công lý cho nạn nhân năm 2007 ("Hướng dẫn ASEAN cho cán bộ hoạt động thực tiễn"); Tuyên bố chung của các lãnh đạo ASEAN trong việc tăng cường hợp tác chống buôn bán người ở khu vực Đông Nam Á năm 2011; và các nỗ lực của ASEAN trong việc thúc đẩy quyền con người, bao gồm Tuyên ngôn của ASEAN về quyền con người được thông qua năm 2012;

NHẤN MẠNH HƠN NỮA cam kết trong việc hợp tác khu vực và quốc tế chặt chẽ và hiệu quả hơn chống hành vi buôn bán người có tính chất xuyên quốc gia, bao gồm nhưng không giới hạn các tội phạm được thực hiện bởi các nhóm phạm tội có tổ chức;

GHI NHẬN việc hợp tác là yếu tố quan trọng để điều tra, truy tố thành công và xóa bỏ nơi ẩn náu của những kẻ phạm tội buôn bán người và đồng phạm, đồng thời, để bảo vệ và hỗ trợ hiệu quả các nạn nhân bị buôn bán;

GHI NHẬN rằng nguyên nhân của buôn bán người bao gồm sự kết hợp của nhiều yếu tố, trong đó có tham nhũng trong khu vực công, sự nghèo đói, kinh tế bất ổn định, hệ thống pháp luật kém hiệu quả, phạm tội có tổ chức, các yếu tố gia tăng các hình thức bóc lột con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, gây nên nạn buôn bán người, là những vấn đề phải được giải quyết hiệu quả;

THỪA NHẬN rằng tất cả các quốc gia thành viên ASEAN không phân biệt là quốc gia nguồn, quốc gia quá cảnh hay quốc gia đích đều chia sẻ trách nhiệm và một mục tiêu chung là phòng ngừa, truy cứu trách nhiệm hình sự và trừng trị các đối tượng buôn bán người và bảo vệ, hỗ trợ các nạn nhân bị buôn bán;

CÓ TÍNH ĐẾN sự gần gũi và nối tiếp của biên giới các quốc gia thành viên và phù hợp với tinh thần của khu vực ASEAN;

NHẬN THỨC sự cần thiết xây dựng một văn kiện của khu vực quy định riêng về buôn bán người với tính chất là một khung khổ pháp lý cho các hành động của khu vực trong phòng, chống buôn bán người, bao gồm việc bảo vệ và hỗ trợ các nạn nhân bị buôn bán;

GHI NHẬN vai trò quan trọng của việc kịp thời xây dựng một công cụ có giá trị pháp lý về chống buôn bán người để có thể hỗ trợ các quốc gia thành viên ASEAN là quốc gia nguồn, quốc gia quá cảnh hoặc quốc gia đích giải quyết những thách thức, ưu tiên và chiến lược đa dạng của quốc gia mình trong chống buôn bán người;

Đã thống nhất như sau:

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Mục đích

1. Mục đích của văn kiện pháp lý khu vực này là:

a. Phòng, chống có hiệu quả nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em và bảo đảm các hình phạt thích đáng và hiệu quả đối với những đối tượng có hành vi buôn bán người;

b. Bảo vệ và hỗ trợ các nạn nhân bị buôn bán một cách hiệu quả, với việc tôn trọng đầy đủ quyền con người của họ;

c.Thúc đẩy hợp tác có hiệu quả giữa các quốc gia thành viên để đạt được mục đích này.

2. Các bên thống nhất rằng các biện pháp được quy định tại Công ước này phải được giải thích và áp dụng phù hợp với các nguyên tắc quốc tế và khu vực đã được công nhận về nguyên tắc không phân biệt đối xử, đặc biệt là không phân biệt đối xử với nạn nhân bị buôn bán.

Điều 2. Sử dụng các thuật ngữ

Vì mục đích của Công ước này:

a. "Buôn bán người" là việc tuyển dụng, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp hoặc tiếp nhận người nhằm mục đích bóc lột bằng cách sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực hay bằng các hình thức ép buộc, bắt cóc, gian lận, lừa đảo, lạm dụng quyền lực hoặc vị thế dễ bị tổn thương hay bằng việc đưa hay nhận tiền hoặc lợi ích để đạt được sự đồng ý của người có quyền kiểm soát người khác. Hành vi bóc lột sẽ bao gồm, ở mức tối thiểu, việc bóc lột mại dâm những người khác hay những hình thức bóc lột tình dục khác, các hình thức lao động hay dịch vụ cưỡng bức, nô lệ hay những hình thức tương tự nô lệ, khổ sai hoặc việc lấy các bộ phận cơ thể;

b. Việc một nạn nhân bị buôn bán chấp nhận sự bóc lột có chủ ý được quy định tại điểm (a) của Điều này sẽ là không thích hợp nếu bất kỳ cách thức nào quy

định tại điểm (a) đã được sử dụng;

c. Việc tuyển dụng, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp hoặc tiếp nhận trẻ em nhằm mục đích bóc lột sẽ bị coi là "buôn bán người" ngay cả khi việc này được thực hiện không cần dùng đến bất kỳ cách thức nào được quy định tại điểm (a) của Điều này;

d. "Trẻ em" là bất kỳ người nào dưới mười tám (18) tuổi;

e. "Nạn nhân" là bất kỳ người nào là đối tượng của hành vi buôn bán người được định nghĩa trong Công ước này;

f. "Nhóm tội phạm có tổ chức" là một nhóm có cơ cấu gồm từ ba (3) người trở lên tồn tại trong một thời gian và phối hợp hoạt động để thực hiện một hay nhiều tội phạm nghiêm trọng hoặc các hành vi phạm tội được quy định trong Công ước này, nhằm có được, trực tiếp hay gián tiếp, lợi ích về tài chính hay vật chất khác;

g. "Tội phạm nghiêm trọng", như được quy định tại khoản (f) của Điều này, là hành vi cấu thành tội phạm có thể bị trừng phạt với khung hình phạt tước tự do tối đa là ít nhất bốn năm hoặc hình phạt khác nặng hơn;

h. "Tội phạm xuyên quốc gia" là một hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia. Một hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia nếu:

(i). Hành vi đó được thực hiện ở nhiều quốc gia;

(ii). Hành vi đó được thực hiện ở một quốc gia nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hoặc điều khiển nó lại diễn ra ở một quốc gia khác;

(iii). Hành vi đó được thực hiện ở một quốc gia nhưng liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức tham gia các hoạt động phạm tội ở nhiều quốc gia;

(iv). Hoặc hành vi đó được thực hiện ở một quốc gia nhưng có ảnh hưởng lớn ở một quốc gia khác.

i."Công chức" có nghĩa là:

(i). Bất kỳ người nào giữ chức vụ về lập pháp, hành pháp, hành chính hoặc tư pháp của một Bên do được bầu hay bổ nhiệm, làm việc không thời hạn hoặc có thời hạn, được trả lương hay không được trả lương, bất kể cấp bậc của người đó;

(ii). Bất kỳ người nào thực hiện chức năng nhà nước, kể cả cho cơ quan hay doanh nghiệp nhà nước, hoặc cung cấp một dịch vụ công, theo quy định trong pháp luật quốc gia của một Bên và được áp dụng trong lĩnh vực pháp luật liên quan của Bên đó;

(iii). Bất kỳ người nào được định nghĩa là "công chức" trong pháp luật quốc gia của Bên đó.

j. "Tài sản" là mọi loại của cải, dù là vật chất hay phi vật chất, động sản hay bất động sản, hữu hình hay vô hình và các văn bản hay văn kiện pháp lý là bằng chứng cho quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với những của cải đó;

k. "Tài sản do phạm tội mà có" là bất cứ tài sản nào bắt nguồn hay có được một cách trực tiếp hay gián tiếp từ việc phạm tội;

l. "Phong toả" hoặc "tạm giữ" là việc tạm thời cấm chuyển giao, chuyển đổi, chuyển nhượng hay chuyển dịch tài sản hoặc việc tạm thời giám sát hay kiểm soát tài sản theo lệnh của toà án hay một cơ quan có thẩm quyền khác;

m. "Tịch thu", bao gồm cả việc tước đoạt, là việc tước bỏ vĩnh viễn quyền sở hữu tài sản theo lệnh của toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;

n. "Hành vi phạm tội nguồn" là bất kỳ một hành vi phạm tội nào dẫn đến việc làm phát sinh những tài sản có thể trở thành đối tượng của hành vi phạm tội được quy định trong Điều 7 của Công ước này.

Điều 3. Phạm vi áp dụng

Công ước này được áp dụng để phòng ngừa, điều tra và truy tố các tội phạm được quy định tại Điều 5 của Công ước, khi các hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia và liên quan đến những nhóm tội phạm có tổ chức cũng như cho việc bảo vệ và hỗ trợ các nạn nhân bị buôn bán.

Điều 4. Bảo vệ chủ quyền

1. Các bên thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của Công ước này phù hợp với những nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia và nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.

2. Không quy định nào trong Công ước này cho phép một Bên được tiến hành trên lãnh thổ của một Bên khác các hoạt động thực thi quyền tài phán và thi hành các chức năng chỉ dành riêng cho những cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó theo pháp luật trong nước của họ.

Chương II. Hình sự hóa

Điều 5. Hình sự hóa hành vi buôn bán người

1. Mỗi Bên sẽ áp dụng những biện pháp lập pháp và các biện pháp khác khi cần thiết để quy định những hành vi nêu tại Điều 2 của Công ước này là tội phạm theo pháp luật của Bên đó khi những hành vi này được thực hiện có chủ ý.

2. Mỗi Bên cũng sẽ thông qua biện pháp lập pháp và các biện pháp khác khi cần thiết để quy định là tội phạm:

a. Hành vi phạm tội chưa đạt được quy định theo Khoản 1 của Điều này, phù hợp với các khái niệm cơ bản của hệ thống pháp luật của mình;

b. Tham gia với vai trò là đồng phạm trong việc thực hiện tội phạm được quy định tại Khoản 1 của Điều này;

c. Tổ chức hoặc chỉ đạo người khác thực hiện một tội phạm được quy định theo Khoản 1 của Điều này.

3. Mỗi Bên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp khác khi thích hợp để những người có hành vi phạm tội phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với trường hợp phạm tội thông thường nếu có một trong các tình tiết tăng nặng sau:

a. Khi tội phạm gây tổn thương nghiêm trọng hoặc cái chết cho nạn nhân hay người khác, bao gồm trường hợp người đó chết do tự sát;

b. Khi tội phạm liên quan đến nạn nhân là người đặc biệt dễ bị tổn thương như trẻ em hoặc người không có đủ khả năng tự chăm sóc hoặc bảo vệ bản thân vì khuyết tật hoặc điều kiện về thể chất hoặc tâm thần;

c. Tội phạm làm cho nạn nhân nhiễm các bệnh nguy hiểm đến tính mạng, kể cả bệnh HIV/AIDS;

d. Phạm tội với nhiều nạn nhân;

e. Khi tội phạm được thực hiện là một phần hoạt động của nhóm tội phạm có tổ chức;

f. Khi người phạm tội đã từng bị kết án về cùng tội danh hoặc tội phạm tương tự;

g. Khi người phạm tội là công chức lạm dụng chức vụ hoặc quyền hạn để phạm tội.

Điều 6. Hình sự hóa việc tham gia vào một nhóm tội phạm có tổ chức

1. Mỗi Bên sẽ, liên quan đến các tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này theo quy định tại Điều 3, ban hành pháp luật và các biện pháp khác khi cần thiết để coi các hành vi sau là tội phạm khi hành vi buôn bán người được thực hiện một cách cố ý:

a) Một hoặc cả hai hành vi dưới đây mà không phải là những hành vi phạm tội chưa đạt hoặc phạm tội hoàn thành:

(i) Thỏa thuận với một hoặc nhiều người khác để thực hiện một tội phạm nghiêm trọng nhằm mục đích liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến việc đạt được lợi ích tài chính hoặc vật chất khác, và liên quan đến hành vi của thành viên để thực hiện thoả thuận đó hoặc liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức, nếu pháp luật trong nước quy định như vậy;

(ii) Hành vi của một người nhận thức được hoặc mục đích và hành vi phạm tội nói chung của một nhóm tội phạm có tổ chức hoặc ý định phạm tội của nhóm đó nhưng tham gia tích cực trong:

a. Những hoạt động phạm tội của nhóm tội phạm có tổ chức đó;

b. Những hoạt động khác của nhóm tội phạm có tổ chức đó với nhận thức rằng việc tham gia của họ sẽ đóng góp vào việc đạt được mục đích phạm tội nói trên;

b) Việc tổ chức, chỉ đạo, hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện hoặc xúi giục việc thực hiện tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Sự nhận thức, ý định, mục đích, mục tiêu hoặc thoả thuận được đề cập tại khoản 1 của Điều này có thể được suy ra từ hoàn cảnh khách quan cụ thể.

Điều 7. Hình sự hóa hành vi hợp pháp hóa tài sản do phạm tội mà có

Phù hợp với những nguyên tắc cơ bản trong pháp luật trong nước của mình, mỗi Bên sẽ ban hành pháp luật hoặc những biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này theo quy định tại Điều 3, là tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý:

a. (i) Chuyển đổi hay chuyển giao tài sản, dù biết rằng những tài sản này do phạm tội mà có, nhằm che đậy hoặc che dấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản hoặc nhằm giúp đỡ bất cứ người nào liên quan đến việc thực hiện một hành vi phạm tội nguồn lẩn tránh những hậu quả pháp lý do hành vi của người đó gây ra;

(ii) Che đậy hoặc che dấu bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, việc chuyển nhượng, chuyển dịch hoặc quyền sở hữu hay những quyền đối với tài sản, dù biết rằng tài sản này do phạm tội mà có;

b. Tuỳ theo những khái niệm cơ bản của hệ thống pháp lý của quốc gia:

(i) Giành được, sở hữu hoặc sử dụng tài sản, dù tại thời điểm nhận được tài sản, biết rằng đó là tài sản do phạm tội mà có;

(ii) Tham gia, liên kết hay thông đồng thực hiện, chuẩn bị thực thực hiện và hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện bất kỳ một hành vi phạm tội nào theo quy định của Điều này.

Điều 8. Hình sự hóa hành vi tham nhũng

1. Mỗi Bên sẽ ban hành pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định các hành vi thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này như được quy định tại Điều 3, là tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý:

a. Hứa hẹn, đề nghị hay mang đến một cách trực tiếp hay gián tiếp cho công chức một lợi ích không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để công chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các nhiệm vụ chính thức của mình;

b. Gợi ý hoặc chấp nhận một cách trực tiếp hay gián tiếp của công chức nhà nước đối với một lợi ích không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để công chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các nhiệm vụ chính thức của mình.

2. Mỗi Bên sẽ xem xét việc quy định trách nhiệm hình sự đối với những hình thức tham nhũng khác.

3. Mỗi Bên cũng sẽ ban hành những biện pháp cần thiết nêu trên để quy định sự tham gia với tư cách là đồng phạm trong việc thực hiện một hành vi phạm tội được quy định tại Điều này là tội phạm.

Điều 9. Hình sự hóa hành vi cản trở hoạt động tư pháp

Mỗi Bên sẽ ban hành pháp luật hay các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm đối với các hành vi thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này theo quy định tại Điều 3 được thực hiện cố ý:

a. Việc sử dụng vũ lực, đe doạ hoặc hăm doạ hoặc hứa hẹn, đề nghị hoặc cung cấp một mối lợi không chính đáng để người bị thẩm vấn khai sai sự thật hoặc để can thiệp vào việc đưa ra lời khai hay đưa ra chứng cứ trong một vụ án liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này;

b. Việc sử dụng vũ lực, đe doạ hoặc hăm doạ sử dụng vũ lực nhằm can thiệp vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính thức của một nhân viên tư pháp hoặc nhân viên thực thi pháp luật liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này. Không một quy định nào trong đoạn này làm phương hại tới quyền của các bên ban hành các quy định pháp luật để bảo vệ các loại công chức khác.

Điều 10. Quyền tài phán

1. Mỗi Bên sẽ thông qua các những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội quy định theo Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Công ước này khi:

a. Hành vi phạm tội được thực hiện trên lãnh thổ của Bên đó; hoặc

b. Hành vi phạm tội được thực hiện trên boong tàu mang cờ của Bên đó hoặc trên máy bay đăng ký theo luật của Bên đó vào thời điểm xảy ra hành vi phạm tội.

2. Theo quy định tại Điều 4 Công ước này, một Bên cũng sẽ thiết lập quyền tài phán của mình đối với bất kỳ hành vi phạm tội nào khi:

a. Hành vi phạm tội được thực hiện nhằm chống lại một công dân của Bên đó;

b. Hành vi phạm tội được thực hiện bởi một công dân của Bên đó hay một người không quốc tịch thường trú trên lãnh thổ của Bên đó; hoặc

c. Hành vi phạm tội là:

(i) Một trong những hành vi được quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của Bên đó nhằm thực hiện một tội phạm nghiêm trọng trong lãnh thổ của Bên đó;

(ii) Một trong những hành vi được quy định tại Điểm (b) (ii) Điều 7 Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của quốc gia đó nhằm thực hiện một hành vi phạm tội theo quy định tại Điểm (a) (i) hoặc (ii) hay điểm (b) (i) Điều 7 Công ước này trong lãnh thổ của Bên đó.

3. Vì mục đích của Điều 19 của Công ước này, mỗi Bên sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh khi người bị tình nghi là tội phạm có mặt trên lãnh thổ của Bên đó và Bên đó không dẫn độ người này với lý do họ là công dân của Bên đó.

4. Mỗi Bên cũng sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh khi người bị tình nghi là tội phạm có mặt trên lãnh thổ của Bên đó và Bên đó không dẫn độ người này.

5. Nếu một Bên thực hiện quyền tài phán của mình theo Khoản 1 hoặc 2 của Điều này đã được thông báo hoặc bằng một cách khác biết được rằng một hay nhiều Bên khác đang tiến hành việc điều tra, truy tố hay xét xử đối với cùng hành vi đó, các cơ quan có thẩm quyền của những Bên này sẽ, khi thích hợp, tham khảo với nhau để phối hợp hoạt động.

6. Không làm phương hại đến các chuẩn mực của luật pháp quốc tế chung, Công ước này không loại bỏ việc thực hiện quyền tài phán hình sự của một Bên thành viên phù hợp với pháp luật trong nước của Bên đó.

Chương III. Phòng ngừa

Điều 11. Phòng ngừa buôn bán người

1. Các Bên sẽ đề ra các chính sách tổng thể, chương trình và các biện pháp khác để:

a. Ngăn ngừa và chống việc buôn bán người; và

b. Bảo vệ các nạn nhân của việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, không bị trở thành nạn nhân của việc buôn bán người một lần nữa.

2. Các Bên sẽ nỗ lực thực thi các biện pháp như nghiên cứu, thông tin và chiến dịch tuyên truyền và các sáng kiến kinh tế và xã hội để ngăn ngừa và chống hành vi buôn bán người.

3. Các chính sách, chương trình và các biện pháp khác được đề ra theo Điều này, khi thích hợp, sẽ bao gồm việc hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ

chức liên quan khác và các nhân tố khác của xã hội dân sự.

4. Các Bên sẽ thực hiện và tăng cường các biện pháp, trong đó có thể bao gồm cả hợp tác song phương hoặc đa phương, để xoá bỏ các nhân tố làm cho những người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, trở nên dễ bị tổn thương bởi việc buôn bán, chẳng hạn như nghèo đói, kém phát triển và không được hưởng cơ hội bình đẳng.

5. Các Bên sẽ áp dụng hay tăng cường các biện pháp lập pháp hay các biện pháp khác, chẳng hạn như các biện pháp giáo dục, xã hội hay văn hoá, trong đó có thể bao gồm cả hợp tác song phương và đa phương để giảm bớt những nhu cầu dẫn đến việc thúc đẩy các hình thức bóc lột con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, dẫn đến việc buôn bán người.

Điều 12. Lĩnh vực hợp tác

Lĩnh vực hợp tác về phòng chống buôn bán người theo Công ước này, phù hợp với nội luật của các Bên liên quan, có thể bao gồm các biện pháp phù hợp, cùng với các quy định khác, trong đó:

a. Giảm thiểu nhu cầu dẫn đến việc thúc đẩy các hình thức bóc lột con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, dẫn đến việc buôn bán người;

b. Áp dụng hoặc tăng cường các biện pháp, khi phù hợp, như việc thông qua hợp tác song phương, đa phương hoặc hợp tác khu vực để phòng ngừa và chống buôn bán người bằng cách giảm các yếu tố làm cho mọi người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em dễ bị mua bán, như đói nghèo, kém phát triển, thiếu giáo dục và cơ hội bình đẳng;

c. Tăng cường các chính sách và chương trình để phòng ngừa buôn bán người thông qua nghiên cứu, thông tin, tăng cường nhận thức và các chiến dịch giáo dục, các sáng kiến kinh tế và xã hội và các chương trình đào tạo, đặc biệt là cho những người dễ bị buôn bán;

d. Tăng cường hơn nữa hợp tác khu vực trong điều tra và truy tố các vụ án buôn bán người;

e. Để tạo điều kiện cho quyền tự do di chuyển được thực hiện hợp pháp và để đảm bảo rằng các yêu cầu nhập cảnh được tuân thủ thông qua việc phổ biến các thông tin chính xác về điều kiện cho phép nhập cảnh, xuất cảnh và ở lại hợp pháp trên lãnh thổ có liên quan;

f. Trao đổi và chia sẻ thông tin về các biện pháp để giảm thiểu tổn thương cho trẻ em bị mua bán, để họ được lớn lên và sinh sống trong một môi trường an toàn;

g. Tăng cường xây dựng năng lực, bao gồm hợp tác đào tạo, kỹ thuật và tổ chức các hội nghị điều phối khu vực;

h. Đảm bảo rằng bất kỳ người phạm tội hoặc hỗ trợ tội phạm buôn bán người sẽ bị xét xử.

Điều 13. Hợp tác, kiểm soát xuyên biên giới và hiệu lực của các giấy tờ

1. Các bên sẽ nỗ lực để thực hiện việc hợp tác xuyên biên giới một cách phù hợp giữa các cơ quan kiểm soát biên giới nhằm phòng ngừa và phát hiện tội phạm buôn bán người, cùng với những phương thức khác:

a. Thiết lập và duy trì các kênh liên lạc trực tiếp;

b. Tăng cường trao đổi thông tin nghiệp vụ và chia sẻ thông tin bao gồm thông qua việc thiết lập, xây dựng hoặc sử dụng các cơ sở dữ liệu phù hợp;

2. Các bên sẽ ngăn chặn sự di chuyển của những người có hành vi buôn bán và các nạn nhân bị buôn bán bằng việc kiểm soát hiệu quả biên giới và kiểm soát việc cấp giấy tờ căn cước và thông hành, thông qua các biện pháp hiệu quả để phòng ngừa việc giả mạo, làm giả hoặc sử dụng gian dối các giấy tờ căn cước và thông hành.

Chương IV Bảo vệ

Điều 14. Bảo vệ nạn nhân bị buôn bán

1. Mỗi Bên sẽ ban hành hướng dẫn hoặc thủ tục quốc gia để xác định đúng nạn nhân của hành vi buôn bán người và khi thích hợp, có thể phối hợp với các tổ chức ngoài công lập hỗ trợ nạn nhân có liên quan.

2. Trường hợp việc buôn bán người xảy ra ở hai hay nhiều Bên, mỗi Bên phải tôn trọng và công nhận việc xác định nạn nhân của hành vi buôn bán người do các cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận tiến hành;

3. Trừ khi nạn nhân có thông báo khác, việc xác định nạn nhân phải được Bên nhận thông báo cho Bên gốc mà không chậm trễ bất hợp lý.

4. Mỗi Bên sẽ xem xét thông qua các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp thích hợp khác cho phép nạn nhân bị buôn bán được ở lại trong lãnh thổ của mình, tạm thời hoặc vĩnh viễn, tùy từng trường hợp cụ thể. Mỗi Bên sẽ có sự cân nhắc thích đáng với các nhân tố nhân đạo và trắc ẩn.

5. Mỗi Bên phải đảm bảo an toàn thân thể cho các nạn nhân bị buôn bán khi họ ở trong lãnh thổ của Bên đó.

6. Trong các trường hợp thích hợp và trong phạm vi được luật pháp nước mình cho phép, mỗi Bên có trách nhiệm bảo vệ sự riêng tư và nhân dạng của nạn nhân bị buôn bán, cùng với các quy định khác, bao gồm quy định bảo mật với các thủ tục pháp lý liên quan đến vụ việc buôn bán người.

7. Mỗi Bên, phù hợp với quy định, quy chế, pháp luật và chính sách của quốc gia, trong từng trường hợp cụ thể, cân nhắc không áp dụng hình phạt hoặc trách nhiệm hành chính đối với nạn nhân bị buôn bán vì hành vi trái pháp luật của người này nếu những hành vi trái pháp luật đó là hệ quả trực tiếp của hành vi buôn bán người.

8. Mỗi Bên sẽ không giam giữ những người được cơ quan có thẩm quyền trong nước mình xác định là nạn nhân bị buôn bán, tại các trung tâm giam giữ, trại giam vào bất kỳ thời điểm nào trước, trong hoặc sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý hành chính, dân sự, hình sự để xử lý vụ việc buôn bán người.

9. Mỗi Bên sẽ thông tin cho các nạn nhân bị buôn bán đã được xác định trong thời gian phù hợp, các thông tin về bản chất của sự bảo vệ, hỗ trợ và giúp đỡ mà họ được hưởng theo pháp luật quốc gia, và theo Công ước này;

10. Mỗi Bên phải, khi phù hợp, chăm sóc và hỗ trợ cho nạn nhân bị buôn bán trong các tình huống thích hợp, hợp tác với các tổ chức ngoài công lập có liên quan hoặc các tổ chức, các nhân tố khác của xã hội, bao gồm:

a. Chỗ lưu trú phù hợp;

b. Tư vấn và thông tin, đặc biệt là liên quan đến quyền hợp pháp của nạn nhân, bằng ngôn ngữ mà nạn nhân bị buôn bán có thể hiểu;

c. Hỗ trợ y tế, tâm lý và vật chất; và

d. Các cơ hội có việc làm, giáo dục và đào tạo.

11. Mỗi quốc gia nỗ lực tốt nhất để hỗ trợ cho nạn nhân bị buôn bán trong việc tái hòa nhập xã hội nơi quốc gia mà nạn nhân đã rời đi.

12. Mỗi Bên, khi áp dụng các quy định của Điều này, phải tính đến tuổi, giới tính và nhu cầu đặc biệt của nạn nhân bị buôn bán, nhất là nhu cầu đặc biệt của trẻ em.

13. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng hệ thống pháp luật trong nước có các biện pháp cho phép nạn nhân bị buôn bán có khả năng được bồi thường vì các thiệt hại phải gánh chịu.

14. Mỗi Bên sẽ quy định về việc phân phối phù hợp các quỹ, bao gồm cả việc thành lập quỹ tín thác quốc gia để phục vụ việc chăm sóc và hỗ trợ cho nạn nhân bị buôn bán.

Điều 15. Hồi hương và nhận trở lại nạn nhân

1. Bên mà một nạn nhân của việc buôn bán người là công dân hay tại đó người này có quyền của một người cư trú vĩnh viễn vào thời điểm vào lãnh thổ của Bên nhận sẽ tạo điều kiện và chấp nhận việc trở lại của người đó không bị cản trở thái quá hoặc bất hợp lý nào, có cân nhắc đầy đủ đến sự an toàn của người đó.

2. Khi một Bên trả nạn nhân cho một Bên khác theo Khoản 1 của Điều này, việc trao trả phải quan tâm thích đáng tới an toàn của người đó và vị thế trong bất kỳ thủ tục pháp lý liên quan đến thực tế người này là nạn nhân của việc buôn bán người.

3. Phù hợp với Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, theo yêu cầu của Bên nhận, Bên được yêu cầu phải kiểm tra một cách nhanh chóng và không trì hoãn bất hợp lý, người đó có phải là công dân của mình không hoặc có quyền thường trú trong lãnh thổ của mình tại thời điểm nhập cảnh vào lãnh thổ của Bên nhận.

4. Để tạo điều kiện cho việc nhận trở lại của một nạn nhân của việc buôn bán người không có giấy tờ đầy đủ, Bên mà người đó là công dân hoặc có quyền thường trú tại thời điểm nhập cảnh vào lãnh thổ của Bên nhận, theo yêu cầu của Bên nhận, sẽ đồng ý cấp giấy tờ thông hành hoặc giấy phép khác có thể cần thiết để cho phép người đó đi lại và nhập cảnh lại lãnh thổ của Bên đó.

5. Mỗi Bên sẽ quy định các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp cần thiết khác để thiết lập chương trình hồi hương, khi thích hợp và trong trường hợp cần thiết, có sự tham của của các cơ quan quốc gia và quốc tế và các tổ chức phi chính phủ có liên quan.

6. Điều này sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào dành cho nạn nhân bị buôn bán theo luật pháp quốc gia của Bên nhận.

7. Điều này sẽ không ảnh hưởng đến bất cứ quy định nào của hiệp định song phương hoặc đa phương hoặc các thỏa thuận về nhập cư có quy định về quyền và

quyền ưu tiên thuận lợi hơn cho các nạn nhân bị buôn bán.

Chương V. Thực thi pháp luật

Điều 16. Thực thi pháp luật và truy tố

1. Mỗi Bên sẽ thông qua các biện pháp cần thiết để bảo đảm người có thẩm quyền xử lý vụ án phạm tội buôn bán người được trang bị kỹ năng hoặc kiến thức phù hợp trong việc chống buôn bán người và bảo vệ nạn nhân, khi phù hợp, xác định đơn vị hoặc người có thẩm quyền chuyên trách thực hiện nhiệm vụ này.

2. Mỗi Bên phải chủ động tiến hành các thủ tục hữu hiệu để phát hiện, ngăn chặn và trừng phạt hành vi tham nhũng, rửa tiền, tham gia vào nhóm phạm tội có tổ chức và cản trở hoạt động tư pháp có liên quan đến buôn bán người.

3. Mỗi Bên phải bảo đảm hệ thống pháp luật trong nước hữu hiệu để giải quyết các vụ án buôn bán người.

4. Mỗi Bên thông qua các biện pháp cần thiết để bảo đảm sự phối hợp giữa chính sách và hoạt động của các cơ quan thuộc chính phủ và các cơ quan thực hiện chức năng nhà nước trong việc chống buôn bán người, khi phù hợp, thông qua việc thành lập cơ quan điều phối để chống tội phạm có tổ chức đối với hành vi buôn bán người, rửa tiền và cản trở hoạt động tư pháp.

5. Mỗi Bên, phù hợp với luật pháp trong nước của Bên gốc và Bên tiếp nhận, thông qua hợp tác ngoài tư pháp hoặc tương trợ tư pháp khi phù hợp, khuyến khích nạn nhân bị buôn bán tự nguyện nhập cảnh và lưu trú tạm thời trên lãnh thổ của quốc gia tiếp nhận vì mục đích cung cấp lời khai hoặc hoạt động hợp tác khác trong truy tố đối tượng có hành vi phạm tội, có cân nhắc đầy đủ sự an toàn của nạn nhân.

6. Mỗi Bên phải cung cấp hoặc tăng cường tập huấn cho cán bộ có liên quan trong việc phòng ngừa và chống buôn bán người, tập trung vào các phương pháp được sử dụng trong phòng ngừa buôn bán người, điều tra và truy tố người phạm tội buôn bán người và bảo vệ quyền của nạn nhân, có thể bao gồm bảo vệ nạn nhân khỏi đối tượng có hành vi buôn bán người và bí mật đời tư của nạn nhân bị buôn bán.

7. Mỗi Bên phải tiến hành mọi thủ tục cần thiết bảo đảm tính liêm chính của các thủ tục tư pháp hình sự trong đó có bảo vệ nạn nhân và người làm chứng khỏi sự hăm dọa hoặc sách nhiễu, khi phù hợp, trừng phạt người thực hiện những hành vi này trong các vụ việc cần thiết.

8. Mỗi Bên, nếu thích hợp, sẽ quy định trong nội luật một khung thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự dài để truy cứu trách nhiệm hình sự bất cứ hành vi phạm tội nào được Công ước này điều chỉnh và một thời hạn dài hơn nếu người bị tình nghi phạm tội lẩn tránh việc thực thi công lý.

9. Không có quy định nào trong Công ước này ảnh hưởng đến nguyên tắc pháp luật trong nước của các Bên quy định các hành vi phạm tội theo Công ước này và việc bào chữa theo pháp luật hiện hành và các nguyên tắc pháp lý khác xác định tính hợp pháp của hành vi và những hành vi phạm tội như vậy sẽ bị truy tố và trừng trị theo luật đó.

Điều 17. Tịch thu và tạm giữ

1. Mỗi Bên sẽ áp dụng hết mức có thể trong phạm vi hệ thống pháp luật trong nước những biện pháp cần thiết để cho phép tịch thu:

a. Tài sản do phạm tội mà có bắt nguồn từ những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh hay những tài sản có giá trị tương đương với giá trị của tài sản do phạm tội mà có;

b. Tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác được sử dụng hay được dự định sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

2. Mỗi Bên sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để cho phép xác định, truy nguyên, phong toả hay tạm giữ bất kỳ mục nào được đề cập đến tại Khoản 1 của Điều này nhằm thực hiện được việc tịch thu.

3. Nếu những tài sản do phạm tội mà có được biến đổi hoặc chuyển đổi, một phần hay toàn bộ, thành một tài sản khác thì tài sản này sẽ phải chịu những biện pháp được đề cập đến trong Điều này thay cho những tài sản do phạm tội mà có.

4. Nếu những tài sản do phạm tội mà có đã được gộp với những tài sản có nguồn gốc hợp pháp thì những tài sản này, không cản trở đến bất cứ quyền phong tỏa hay tạm giữ nào, sẽ bị tịch thu theo giá trị tương đương số tài sản đã được gộp trước đó.

5. Thu nhập hay lợi nhuận khác thu được từ tài sản do phạm tội mà có, từ những tài sản do vật hoặc tiền do phạm tội mà có biến đổi hay chuyển đổi thành hay từ tài sản mà vật hoặc tiền do phạm tội mà có được gộp vào, cũng sẽ phải chịu những biện pháp được đề cập trong Điều này theo cùng phương thức và mức độ áp dụng đối với tài sản do phạm tội mà có.

6. Vì mục đích của Điều này và Điều 21 của Công ước này, mỗi Bên sẽ trao cho các toà án của mình hay các cơ quan có thẩm quyền khác quyền lực để ra lệnh nộp hay thu giữ các tài liệu về ngân hàng, tài chính, thương mại. Mỗi Bên sẽ không không từ chối thực hiện các quy định của khoản này vì lý do đảm bảo bí mật ngân hàng.

7. Mỗi Bên có thể xem xét khả năng yêu cầu bị cáo chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị nghi là do phạm tội mà có hoặc những tài sản sẽ bị tịch thu khác, trong chừng mực phù hợp với những nguyên tắc của pháp luật trong nước và với tính chất của các trình tự xét xử và thủ tục tố tụng khác.

8. Các quy định của Điều này sẽ không được giải thích làm phương hại đến quyền của bên thứ ba ngay tình.

9. Không quy định nào trong Điều này ảnh hưởng đến nguyên tắc việc xác định và áp dụng các biện pháp quy định tại Điều này phải phù hợp và tuân theo các quy định pháp luật trong nước của một Bên.

Chương VI. Hợp tác quốc tế

Điều 18. Tương trợ tư pháp về hình sự

1. Để chống tội phạm buôn bán người có tính chất xuyên quốc gia, các Bên sẽ, phù hợp với pháp luật quốc gia của mình, tiến hành các biện pháp tương trợ với mức độ tối đa trong việc điều tra hoặc thực hiện các thủ tục tố tụng hình sự đối với

các tội phạm được quy định trong Điều 5 của Công ước này.

2. Các Bên sẽ, thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định tại Khoản 1 của Điều này phù hợp với Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các quốc gia thành viên ASEAN.

Điều 19. Dẫn độ

1. Mỗi hành vi phạm tội được quy định tại Điều 5 của Công ước này cũng sẽ được coi là hành vi phạm tội có thể bị dẫn độ trong bất cứ điều ước dẫn độ tội phạm nào đã có giữa các Bên. Các Bên phải quy định những hành vi phạm tội này là những hành vi phạm tội có thể dẫn độ được trong mọi điều ước quốc tế về dẫn độ sẽ được ký kết giữa họ.

2. Nếu một Bên dẫn độ theo điều ước nhận được yêu cầu dẫn độ từ một Bên khác mà giữa họ chưa có điều ước về dẫn độ nào, thì Bên này có thể coi Công ước này như là cơ sở pháp lý cho việc dẫn độ đối với bất cứ hành vi phạm tội nào được quy định tại Điều 5 của Công ước này áp dụng.

3. Nếu Bên được yêu cầu nhận thấy hoàn cảnh đòi hỏi và cấp thiết thì, theo đề nghị Bên yêu cầu và phù hợp với các quy định pháp luật trong nước cũng như các điều ước về dẫn độ của mình, có thể bắt giữ người cần được dẫn độ mà hiện đang có mặt trên lãnh thổ quốc gia mình hoặc tiến hành những biện pháp thích hợp khác để đảm bảo sự có mặt của người đó khi tiến hành thủ tục dẫn độ.

4. Trường hợp phát hiện người bị tình nghi phạm tội đang có mặt ở lãnh thổ của một Bên, nếu Bên này không dẫn độ người đó do phạm tội quy định tại Điều 5 của Công ước này chỉ vì lý do người này là công dân của mình thì khi nhận được đề nghị của Bên yêu cầu, sẽ phải chuyển ngay vụ việc này cho các cơ quan có thẩm quyền truy tố. Cơ quan có thẩm quyền đó sẽ đưa ra quyết định của họ và tiến hành tố tụng theo một trình tự thủ tục giống như đối với những hành vi phạm tội khác có cùng mức độ nghiêm trọng phù hợp với pháp luật trong nước của Bên đó. Các Bên hữu quan sẽ hợp tác với nhau trong quá trình tố tụng và về chứng cứ, để đảm bảo tính hiệu quả của việc truy tố.

5. Vì mục đích của Điều này, mỗi Bên sẽ chỉ định một cơ quan trung ương và thông báo cho cơ quan lưu chiểu của Công ước này.

Điều 20. Hợp tác thi hành pháp luật

1. Phù hợp với hệ thống pháp luật và hành chính của nước mình, các Bên sẽ hợp tác một cách chặt chẽ với Bên khác để tăng cường hiệu quả của hoạt động thi hành pháp luật nhằm đấu tranh chống các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh. Đặc biệt, mỗi Bên sẽ áp dụng các biện pháp hiệu quả để:

a. Tăng cường và nếu cần thiết, thiết lập và sử dụng các kênh thông tin sẵn có giữa các cơ quan, tổ chức và ngành có thẩm quyền của nước mình nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi nhanh chóng và an toàn các thông tin liên quan tới mọi khía cạnh của các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, bao gồm các mối liên hệ với những hoạt động phạm tội khác, nếu các Bên thấy thích hợp;

b. Hợp tác với các Bên khác trong việc thực hiện điều tra các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh liên quan đến:

(i) Nhận dạng, chỗ ở và các hoạt động của những người bị tình nghi có liên quan các hành vi phạm tội nói trên hoặc chỗ ở của những người khác liên quan;

(ii) Việc chuyển dịch tài sản do phạm tội mà có hoặc tài sản có nguồn gốc từ việc thực hiện các hành vi phạm tội nói trên;

(iii) Việc chuyển dịch tài sản, thiết bị hay các phương tiện khác được sử dụng hoặc dự định được sử dụng để thực hiện các hành vi phạm tội nói trên;

c. Cung cấp, nếu thích hợp, các thiết bị hoặc các đồ dùng cần thiết cho các mục đích phân tích hoặc điều tra;

d. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác có hiệu quả giữa các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức và dịch vụ của nước mình và tăng cường trao đổi nhân sự và các chuyên gia khác, bao gồm việc bố trí các sĩ quan liên lạc, theo các hiệp định hoặc thoả thuận song phương giữa các Bên liên quan;

e. Trao đổi thông tin với các Bên khác về các biện pháp và phương thức cụ thể được các đối tượng phạm tội sử dụng, bao gồm lộ trình, phương tiện vận chuyển và việc sử dụng các thẻ căn cước giả, các tài liệu bị thay đổi hoặc làm giả hoặc các phương thức khác để che dấu các hoạt động phạm tội đó, nếu có thể.

f. Trao đổi thông tin và phối hợp các biện pháp hành chính và các biện pháp khác phù hợp để xác định các tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này.

2. Nhằm đem lại hiệu quả cho Công ước này, các Bên thành viên sẽ xem xét ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương về hợp tác trực tiếp giữa các cơ quan thi hành pháp luật của các nước đó và sửa đổi các hiệp định và thoả thuận nói trên nếu chúng đã được ký kết. Nếu không có các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy giữa các Bên liên quan thì các Bên có thể coi Công ước này là cơ sở cho việc hợp tác thi hành pháp luật liên quan đến những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh. Bất kỳ khi nào thích hợp, các Bên sẽ tận dụng tối đa các hiệp định hoặc thoả thuận này, bao gồm cả các tổ chức quốc tế và khu vực, nhằm tăng cường hợp tác giữa các cơ quan thi hành pháp luật của họ.

3. Các Bên sẽ nỗ lực hợp tác trong phạm vi khả năng của mình để chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có sử dụng kỹ thuật hiện đại.

Điều 21. Hợp tác quốc tế trong việc tịch thu tài sản

1. Một Bên khi nhận được yêu cầu của Bên khác có quyền tài phán đối với một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh về việc tịch thu tài sản do phạm tội mà có, tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác được quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Công ước này nằm trên lãnh thổ của nước đó, sẽ cố gắng hết mức có thể trong phạm vi hệ thống pháp luật trong nước cho phép:

a. Chuyển yêu cầu này đến các cơ quan có thẩm quyền trong nước để phát lệnh tịch thu và, nếu lệnh này được ban hành, thực hiện lệnh đó; hoặc

b. Chuyển lệnh tịch thu của toà án quốc gia yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Công ước này nếu lệnh tịch thu đó liên quan đến tài sản do phạm tội mà có, tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác nêu trong Khoản 1 Điều 17 đang nằm trên lãnh thổ của Bên

được yêu cầu.

2. Khi thực hiện yêu cầu của một Bên khác có quyền tài phán đối với hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, Bên được yêu cầu sẽ tiến hành các biện pháp xác định, truy nguyên và niêm phong hay tạm giữ tài sản do phạm tội mà có, tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác được nêu trong Khoản 1 Điều 17 của Công ước này nhằm thực hiện lệnh tịch thu do Bên yêu cầu hoặc Bên được yêu cầu đưa ra căn cứ theo lời yêu cầu quy định tại Khoản 1 của Điều này.

3. Các quy định của Điều 18 của Công ước này được áp dụng cho Điều này với những sửa đổi cần thiết. Ngoài những thông tin được quy định tại Điều 18, các yêu cầu được đưa ra theo Điều này phải bao gồm:

a. Một bản mô tả về tài sản sẽ bị tịch thu và một bản trình bày về các cơ sở làm căn cứ cho Bên yêu cầu, để Bên được yêu cầu có đủ cơ sở phát lệnh tịch thu theo quy định pháp luật trong nước của họ, trong trường hợp yêu cầu đó thuộc Khoản 1 (a) Điều này;

b. Một bản sao lệnh tịch thu được chấp nhận là có giá trị pháp lý mà căn cứ vào đó Bên yêu cầu, một bản trình bày về các tình tiết và thông tin liên quan đến việc thực hiện lệnh tịch thu, trong trường hợp yêu cầu đó thuộc Khoản 1 (b) Điều này;

c. Một bản trình bày về các cơ sở làm căn cứ cho Bên yêu cầu và một bản trình bày về các hoạt động cần thực hiện, trong trường hợp yêu cầu thuộc Khoản 2 Điều này.

4. Các quyết định hay hoạt động theo quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này sẽ được Bên được yêu cầu thực hiện, phù hợp và tuân theo các quy định pháp luật trong nước quốc gia đó và các nguyên tắc về thủ tục của họ hay bất cứ điều ước, hiệp định, thoả thuận song phương hay đa phương về tương trợ tư pháp mà Bên đó có thể phải tuân theo trong quan hệ với Bên yêu cầu và Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các quốc gia thành viên ASEAN.

5. Nếu một Bên quyết định tiến hành các biện pháp quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này với điều kiện phải có điều ước quốc tế liên quan điều chỉnh, Bên đó sẽ coi Công ước này là cơ sở cần và đủ cho điều kiện nói trên.

6. Các quy định của Điều này sẽ không được giải thích làm phương hại đến quyền của bên thứ ba ngay tình.

7. Các Bên sẽ cân nhắc việc ký kết các điều ước, hiệp định hay thoả thuận song phương và đa phương để tăng cường tính hiệu quả của hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Điều này.

Điều 22. Xử lý tài sản do phạm tội mà có bị tịch thu hoặc tài sản bị tịch thu

1. Tài sản do phạm tội mà có hay tài sản mà một Bên tịch thu theo Điều 17 hoặc Khoản 1 Điều 21 của Công ước này sẽ do Bên đó xử lý phù hợp với pháp luật trong nước và các thủ tục hành chính của quốc gia này.

2. Khi thực hiện yêu cầu của một Bên khác theo Điều 21 của Công ước này, các Bên, trong phạm vi pháp luật trong nước cho phép và nếu được đề nghị, sẽ ưu

tiên xem xét việc trả lại tài sản do phạm tội mà có hay tài sản cho Bên yêu cầu để họ có thể đền bù và hỗ trợ cho các nạn nhân bị buôn bán hoặc trả lại những tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp của nó.

3. Khi thực hiện yêu cầu của một Bên khác theo quy định tại Điều 17 và Điều 21 của Công ước này, một Bên có thể chú trọng xem xét ký kết các hiệp định hay thoả thuận về việc chia sẻ với các Bên khác, trên cơ sở thường xuyên hoặc theo từng vụ việc, tài sản do phạm tội mà có hay tài sản hoặc tiền của từ việc bán chúng phù hợp với quy định của pháp luật trong nước và các thủ tục hành chính của quốc gia đó.

Chương VII. Điều khoản cuối cùng

Điều 23. Thành lập cơ chế phối hợp

Mỗi Bên sẽ cân nhắc thành lập cơ chế phối hợp để chống tội phạm buôn bán người, trong đó có việc tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này.

Điều 24. Theo dõi, đánh giá và báo cáo

1. Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN về tội phạm xuyên quốc gia (SOMTC) sẽ chịu trách nhiệm về việc thúc đẩy, theo dõi, đánh giá và định kỳ báo cáo Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN về tội phạm xuyên quốc gia (AMMTC) về việc thực thi có hiệu quả Công ước này.

2. Ban thư ký ASEAN sẽ cung cấp những hỗ trợ cho việc giám sát và phối hợp thực hiện Công ước này và hỗ trợ SOMTC trong các vấn đề có liên quan.

Điều 25. Bảo mật tài liệu, hồ sơ và thông tin

1. Mỗi Bên phải áp dụng biện pháp bảo mật và bảo đảm bí mật tài liệu, hồ sơ và các thông tin khác nhận được từ bất kỳ Bên nào khác, kể cả các nguồn thông tin đó.

2. Không một tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin khác có được theo Công ước này được tiết lộ hoặc chia sẻ với bất kỳ Bên nào khác hoặc Nhà nước hoặc người khác trừ trường hợp được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên cung cấp tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin đó.

Điều 26. Mối quan hệ với các văn kiện quốc tế khác

Công ước này sẽ không làm tổn hại đến các nghĩa vụ đang tồn tại giữa các Bên theo quy định của điều ước quốc tế khác và khi các Bên đồng ý, cũng không ngăn cản các Bên hỗ trợ cho Bên kia theo điều ước quốc tế khác hoặc quy định của pháp luật trong nước của mình.

Điều 27. Giải quyết bất đồng

Bất cứ sự khác biệt hoặc bất đồng nào phát sinh từ việc giải thích hoặc áp dụng các quy định của Công ước này sẽ được giải quyết một cách thân thiện thông qua hội đàm và thương lượng giữa các Bên thông qua kênh ngoại giao hoặc các biện pháp hòa bình khác nhằm đạt được thỏa thuận giữa các bên.

Điều 28. Phê chuẩn, phê duyệt và lưu chiểu

1. Công ước này phải được phê chuẩn hoặc phê duyệt phù hợp với các thủ tục trong nước của các Bên.

2. Các văn kiện phê chuẩn hoặc thông qua sẽ được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký ASEAN. Tổng thư ký ASEAN sẽ kịp thời thông báo cho các Bên về văn kiện lưu chiểu đó.

Điều 29. Hiệu lực và sửa đổi

1. Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau ngày nhận được văn kiện lưu chiểu thứ sáu (06) được gửi tới Tổng thư ký ASEAN về việc các Bên phê chuẩn, phê duyệt Công ước này.

2. Đối với bất kỳ Bên nào phê chuẩn hoặc phê duyệt Công ước này sau thời điểm nhận được văn kiện lưu chiểu thứ sáu (06) về việc phê chuẩn, phê duyệt nhưng trước ngày Công ước này có hiệu lực, Công ước này cũng áp dụng đối với Bên đó vào ngày Công ước có hiệu lực. Đối với một Bên phê chuẩn hoặc phê duyệt Công ước này sau khi có hiệu lực theo quy định tại Khoản 1, Công ước này sẽ có hiệu lực đối với bên đó vào ngày văn kiện phê chuẩn hoặc phê duyệt được gửi lưu chiểu.

3. Công ước này sẽ có thể được sửa đổi hoặc điều chỉnh bất cứ lúc nào theo thỏa thuận chung bằng văn bản của các bên. Sự điều chỉnh hoặc sửa đổi sẽ có hiệu lực vào ngày do các bên thỏa thuận và sẽ là một phần của Công ước này.

4. Bất kỳ sửa đổi hoặc điều chỉnh nào sẽ không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh hoặc dựa trên quy định của Công ước này trước khi điều chỉnh, sửa đổi đó có hiệu lực.

Điều 30. Rút khỏi Công ước

1. Mỗi Bên có thể rút khỏi Công ước này bất cứ lúc nào kể sau ngày Công ước này có hiêu lực đối với bên đó.

2. Việc rút khỏi Công ước này sẽ được thông báo bằng một văn kiện gửi tới Tổng thư ký ASEAN.

3. Việc rút khỏi Công ước sẽ có hiệu lực sau một trăm tám mươi (180) ngày kể từ ngày Tổng thư ký ASEAN nhận được văn bản thông báo rút khỏi Công ước.

4. Tổng thư ký ASEAN sẽ kịp thời thông báo cho tất cả các Bên khác về bất kỳ sự rút khỏi Công ước nào

Điều 31. Đăng ký

Công ước này sẽ được Tổng thư ký ASEAN đăng ký với Ban thư ký Liên hợp quốc theo Điều 102 của Hiến chương Liên hợp quốc.

Hoàn thành tại Cu-a-la Lăm-pơ, Ma-lai-xi-a, ngày hai mươi mốt tháng mười một năm hai nghìn không trăm mười lăm, một bản gốc duy nhất bằng tiếng Anh.

Đại diện Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Quốc vương Haji Hassanal Bolkiah

Đại diện Vương quốc Căm-pu-chia,

Thủ tướng SAMDECH AKKA MOHA SENA PADEI TECHO HUNSEN

Đại diện Cộng hòa In-đô-nê-xi-a, Tổng thống JOKO WIDODO

Đại diện Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Thủ tướng THONGSING THAMMAVONG

Đại diện Ma-lai-xi-a,

Thủ tướng Dato' Sri Mohd Najib Tun ABDUL Razak

Đại diện Cộng hòa Liên bang Mi-an-ma, Tổng thống THEIN SEIN

Đại diện Cộng hòa Phi-lip-pin,

Tổng thống BENIGNO S. AQUINO III

Đại diện Cộng hòa Xinh-ga-po, Thủ tướng LEE HSIEN LOONG Đại diện Vương quốc Thái Lan và

Thủ tướng GENERAL PRAYUT CHAN-O-CHA (RET.)

Đại diện Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng